BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

Số: 412/QĐ-C07-P1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt sửa đổi, làm rõ E-HSMT
Gói thầu số 2: Xe chữa cháy và xe cứu hộ
thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm và vận chuyển phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ
thuộc Dự toán mua sắm và vận chuyển phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

CỤC TRƯỞNG
CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 35/2025/TT-BCA ngày 06/5/2025 của Bộ Công an quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 42/2019/TT-BCA ngày 01/10/2019 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-C07-P1 ngày 28/8/2025 của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm và vận chuyển phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-C07-P1 ngày 17/9/2025 của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 2: "Xe chữa cháy và xe cứu hộ" thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm và vận chuyển phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thuộc Dự toán mua sắm và vận chuyển phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

Căn cứ Tờ trình số 2964 ngày 29/9/2025 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt sửa đổi, làm rõ E-HSMT gói thầu số 2: Xe chữa cháy và xe cứu hộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi, làm rõ E-HSMT gói thầu số 2: Xe chữa cháy và xe cứu hộ theo nội dung tại Phụ lục đính kèm.

Các nội dung khác của E-HSMT giữ nguyên theo E-HSMT đã đăng tải ngày 17/9/2025 trên Hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các đồng chí Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định đấu thầu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT.

CỤC TRƯỞNG

BỘ CÔNG AN * CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ *

Trung tướng Nguyễn Tuấn Anh

Signature Not Verified
Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
Mã số thuế: 0105003801
Thời gian ký: 30-09-2025 19:36:00

BỘ CÔNG AN * CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ *

PHỤ LỤC

Nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSDT gói thầu số 2: Xe chữa cháy và xe cứu hộ

(Đính kèm theo Quyết định số 412/QĐ-C07-P1 ngày 30/9/2025)

I. Nội dung sửa đổi tại Bảng yêu cầu kỹ thuật cụ thể (Chương V, E-HSMT)

1. Thông số kỹ thuật của Xe cứu hộ và trục vớt hạng nặng (mục 1.2.2.1)

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Nội dung	Thông số kỹ thuật	
4	Tời trước	- Vị trí: Gắn phía đầu xe, có thiết bị móc xếp đặt bên dưới phần đầu của cần cẩu; - Lực kéo: ≥ **5044 tấn** trên cáp đơn và ≥**10.088 tấn** trên cáp đôi; - Độ dài, đường kính cáp cáp: ≥ 30m; ≥ 9,5 mm; - Tốc độ: 8 – 13 m/phút; - Điều khiển: Tự động /bằng tay	- Vị trí: Gắn phía đầu xe, có thiết bị móc xếp đặt bên dưới phần đầu của cần cẩu; - Tời trước: Lực kéo: **≥ 5,044 tấn** trên cáp đơn và ≥**10,088 tấn** trên cáp đôi; - Độ dài, đường kính cáp: ≥ 30m; ≥ 9,5 mm; - Tốc độ: 8 – 13 m/phút; - Điều khiển: Tự động /bằng tay
9	Bơm thủy lực	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - Động cơ xăng, 4 kỳ, công suất ≥ 2,3 kW - Áp suất làm việc tối đa: ≥ 350 bar - Dung tích dầu thủy lực làm việc: ≥ **2.8 lít** - Khối lượng sẵn sàng sử dụng: ≤ 35,5 kg	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - Động cơ xăng, 4 kỳ, công suất ≥ 2,3 kW - Áp suất làm việc tối đa: ≥ 350 bar - Dung tích dầu thủy lực làm việc: ≥ **2,8 lít** - Khối lượng sẵn sàng sử dụng: ≤ 35,5 kg
11	Máy cắt	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - Động cơ xăng 2 kì, công suất động cơ: ≥ 3,8kW; - **Hành trình động cơ**: ≥ 73cc - Độ dài cắt: ≥ 122mm - Đường kính lưỡi cắt: ≥ 350mm - Kèm lưỡi cắt sắt (3) và lưỡi cắt bê tông(3).	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - Động cơ xăng 2 kì, công suất động cơ: ≥ 3,8kW; - **Dung tích xi lanh (Cylinder displacement)**: ≥ 73cc - Độ dài cắt: ≥ 122mm - Đường kính lưỡi cắt: ≥ 350mm - Kèm lưỡi cắt sắt (3) và lưỡi cắt bê tông(3).
12	Cưa máy + xích dự trữ	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - Động cơ xăng; - Công suất động cơ: ≥ 3,4 kW - **Hành trình động cơ**: ≥ 61 cc - Độ dài: ≥ 450 mm	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - Động cơ xăng; - Công suất động cơ: ≥ 3,4 kW - **Dung tích xi lanh (Cylinder displacement)**: ≥ 61 cc - Độ dài: ≥ 450 mm
13	Máy phát điện	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - Công suất động cơ định mức: ≥ 9,5 kW	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - Công suất động cơ định mức: ≥ 9,5 kW

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Nội dung	Thông số kỹ thuật	
		- Công suất động cơ tối đa: ≥ 12,1 kW - Số giờ hoạt động liên tục: ≥ 7 giờ - **Hành trình động cơ**: ≥ 600 cc - Dung tích bình nhiên liệu: ≥ 38 L - Mức cường độ âm: ≤ 75 dB/7m - Trọng lượng: ≤ 134kg	- Công suất động cơ tối đa: ≥ 12,1 kW - Số giờ hoạt động liên tục: ≥ 7 giờ - **Dung tích xi lanh (Cylinder displacement)**: ≥ 600 cc - Dung tích bình nhiên liệu: ≥ 38 L - Mức cường độ âm: ≤ 75 dB/7m - Trọng lượng: ≤ 134kg
16	Bộ đồ lặn:	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - 1 bình khí : dung tích 14L tại áp suất ≤ 300 bar - Van điều tiết, áp suất 300 bar - Bộ đồ lặn: **size 46-60**, vật liệu cao su tổng hợp dày 4mm, kéo khóa bên, có gấu vén bên trong - Đèn lặn Scubapro Novalight 200 hoặc tương đương hoặc tốt hơn[1] - Găng tay lặn giữ nhiệt, dày 3mm; - Dao lặn (tích hợp kéo).	- Số lượng: ≥ 01 bộ; - 1 bình khí : dung tích 14L **(± 2L)** tại áp suất ≤ 300 bar - Van điều tiết, áp suất 300 bar - Bộ đồ lặn: **size 46-60 (theo size Châu Âu (EU) tương đương từ size S-XXL theo size quốc tế)**, vật liệu cao su tổng hợp dày 4mm, kéo khóa bên, có gấu vén bên trong - Đèn lặn Scubapro Novalight 200 hoặc tương đương hoặc tốt hơn[1] - Găng tay lặn giữ nhiệt, dày 3mm; - Dao lặn (tích hợp kéo).

2. Thông số kỹ thuật của Xe chữa cháy phun bột (mục 1.2.2.3)

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Nội dung	Thông số kỹ thuật	
3	Hệ thống chữa cháy bằng bột ABC	- Téc bột chữa cháy: Dung tích chứa ≥ 3.000 kg (đã có sẵn bột), bột chữa cháy ABC, áp lực làm việc của téc ≥ **1.5Mpa**, tỷ lệ bột còn dư lại sau khi phun kết thúc phun ≤ 10%. Miệng nạp bột đường kính ≥ 450mm; - Bình khí Nitor mồi: Dung tích ≥ 2 lít, áp lực làm việc 150bar, số lượng 02 bình, đã nạp đầy khí; - Bình khí Nitor chính: Dung tích ≥ 82 lít, áp lực làm việc 150bar, số lượng 12 bình, đã nạp đầy khí; - Trung tâm điều khiển tự động: Nguồn điện vận hành là điện 24VDC, nguồn nạp điện 220V, số lượng 1 bộ, đã bao gồm bộ nạp và ắc qui 2 x 12VDC.	- Téc bột chữa cháy: Dung tích chứa ≥ 3.000 kg (đã có sẵn bột), bột chữa cháy ABC, áp lực làm việc của téc ≥ **1,5Mpa**, tỷ lệ bột còn dư lại sau khi phun kết thúc phun ≤ 10%. Miệng nạp bột đường kính ≥ 450mm; - Bình khí Nitor mồi: Dung tích ≥ 2 lít, áp lực làm việc 150bar, số lượng 02 bình, đã nạp đầy khí; - Bình khí Nitor chính: Dung tích ≥ 82 lít, áp lực làm việc 150bar, số lượng 12 bình, đã nạp đầy khí; - Trung tâm điều khiển tự động: Nguồn điện vận hành là điện 24VDC, nguồn nạp điện 220V, số lượng 1 bộ, đã bao gồm bộ nạp và ắc qui 2 x 12VDC.

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Nội dung	Thông số kỹ thuật	
		- Cuộn vòi Rulo: 2 cuộn đường kính 25mm, chiều dài ≥ 30m, kèm súng phun cầm tay, áp lực làm việc 1,6Mpa, lưu lượng 5,0kg/ giây, khoảng cách phun hiệu quả ≥ 8m, phun tối đa ≥ 12m. - Lăng giá phun bột di động có bánh xe di chuyển với chiều dài cuộn vòi mềm 100m, đường kính 50mm, áp lực làm việc 1,5Mpa, lưu lượng phun 30 đến 50kg/ giây, tầm phun xa hiệu quả ≥ 25m, tối đa ≥ 45m. Cho phép gắn nối với họng chờ đường kính 50mm để tiếp cận đám cháy khi cần thiết. - Tổng khối lượng khô của hệ thống: ≤ 1.555kg (chưa bao gồm bột khô và khí Nitor) - Tổng khối lượng đã nạp đủ bột và khí: ≤ 5.005kg	- Cuộn vòi Rulo: 2 cuộn đường kính 25mm, chiều dài ≥ 30m, kèm súng phun cầm tay, áp lực làm việc 1,6Mpa, lưu lượng 5,0kg/ giây, khoảng cách phun hiệu quả ≥ 8m, phun tối đa ≥ 12m. - Lăng giá phun bột di động có bánh xe di chuyển với chiều dài cuộn vòi mềm 100m, đường kính 50mm, áp lực làm việc 1,5Mpa, lưu lượng phun 30 đến 50kg/ giây, tầm phun xa hiệu quả ≥ 25m, tối đa ≥ 45m. Cho phép gắn nối với họng chờ đường kính 50mm để tiếp cận đám cháy khi cần thiết. - Tổng khối lượng khô của hệ thống: ≤ 1.555kg (chưa bao gồm bột khô và khí Nitor) - Tổng khối lượng đã nạp đủ bột và khí: ≤ 5.005kg
4	Vòi phun bột chữa cháy di động gắn với lăng giá	- Số lượng: 05 cuộn - Vòi có 2 lớp, lớp ngoài bằng sợi Polyesster, lớp trong làm từ cao su EPDM hoặc NBR; - Chiều dài cuộn vòi: 20m ±0,2m. - Áp suất làm việc: ≥ 17bar. - Áp suất phá hủy: ≥ 60bar. - Đáp ứng các Tiêu chuẩn: TCVN 5740 – 2023; DIN 14811 Class1. - Đầu nối vòi chữa cháy: Đồng bộ với vòi chữa cháy, đáp ứng với **TCVN 5739-1993**; Chất liệu: Hợp kim nhôm.	- Số lượng: 05 cuộn - Vòi có 2 lớp, lớp ngoài bằng sợi Polyesster, lớp trong làm từ cao su EPDM hoặc NBR; - Chiều dài cuộn vòi: 20m ±0,2m. - Áp suất làm việc: ≥ 17bar. - Áp suất phá hủy: ≥ 60bar. - Đáp ứng các Tiêu chuẩn: TCVN 5740 – 2023; DIN 14811 Class1. - Đầu nối vòi chữa cháy: Đồng bộ với vòi chữa cháy, đáp ứng với **TCVN 5739-2023**; Chất liệu: Hợp kim nhôm.

II. Nội dung sửa đổi tại Bảng chấm điểm kỹ thuật (Mục 3, Chương III, E-HSMT)

1. Chỉ tiêu chấm điểm của Xe cứu hộ và trục vớt hạng nặng (Mục 1)

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Chỉ tiêu chấm điểm	Yêu cầu	
4, Mục II, Phần B	Lực kéo tối đa trên cáp đôi F1 (tấn)	F1 > 10088	**F1 > 10,088**
		F1 = 10088	**F1 = 10,088**
3, Mục I,	Có hệ thống chống bó cứng	[1]Bao gồm một trong các hệ thống sau: Hệ thống chống bó cứng phanh	[1]Bao gồm một trong các hệ thống sau: Phanh bổ trợ (Retarder, Jake

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Chỉ tiêu chấm điểm	Yêu cầu	
Phần B	phanh, Hệ thống chống trượt và các tính năng an toàn khác[1]	(ABS – Anti-lock Braking System); Phanh bổ trợ (Retarder, Jake brake, Exhaust brake); Phanh động cơ (Engine brake / Jake brake); Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD – Electronic Brakeforce Distribution); Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp (BA – Brake Assist); Hệ thống kiểm soát lực kéo và ổn định (TCS/ESC); Hệ thống chống trượt dốc / hỗ trợ xuống dốc Hill Start Assist; Cảm biến tải trọng (Load-sensing valve); Phanh đỗ khẩn cấp (Emergency Parking Brake).	brake, Exhaust brake); Phanh động cơ (Engine brake / Jake brake); Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD – Electronic Brakeforce Distribution); Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp (BA – Brake Assist); Hệ thống kiểm soát lực kéo và ổn định (TCS/ESC); Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc Hill Start Assist; Cảm biến tải trọng (Load-sensing valve); Phanh đỗ khẩn cấp (Emergency Parking Brake).

2. Chỉ tiêu chấm điểm của Xe chữa cháy phun bọt (Mục 2)

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Chỉ tiêu chấm điểm	Yêu cầu	
4, Mục I, Phần B	Có hệ thống chống bó cứng phanh, Hệ thống chống trượt và các tính năng an toàn khác[3]	[3]Bao gồm một trong các hệ thống sau: Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS – Anti-lock Braking System); Phanh bổ trợ (Retarder, Jake brake, Exhaust brake); Phanh động cơ (Engine brake / Jake brake); Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD – Electronic Brakeforce Distribution); Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp (BA – Brake Assist); Hệ thống kiểm soát lực kéo và ổn định (TCS/ESC); Hệ thống chống trượt dốc / hỗ trợ xuống dốc Hill Start Assist; Cảm biến tải trọng (Load-sensing valve); Phanh đỗ khẩn cấp (Emergency Parking Brake).	[3]Bao gồm một trong các hệ thống sau: Phanh bổ trợ (Retarder, Jake brake, Exhaust brake); Phanh động cơ (Engine brake / Jake brake); Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD – Electronic Brakeforce Distribution); Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp (BA – Brake Assist); Hệ thống kiểm soát lực kéo và ổn định (TCS/ESC); Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc Hill Start Assist; Cảm biến tải trọng (Load-sensing valve); Phanh đỗ khẩn cấp (Emergency Parking Brake).

3. Chỉ tiêu chấm điểm của Xe chữa cháy phun bột (Mục 3)

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Chỉ tiêu chấm điểm	Yêu cầu	
3, Mục I, Phần B	Có hệ thống chống bó cứng phanh, Hệ thống chống trượt và các tính năng an toàn khác[5]	[5]Bao gồm một trong các hệ thống sau: Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS – Anti-lock Braking System); Phanh bổ trợ (Retarder, Jake brake, Exhaust brake); Phanh động cơ (Engine brake / Jake brake); Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD – Electronic Brakeforce	[5]Bao gồm một trong các hệ thống sau: Phanh bổ trợ (Retarder, Jake brake, Exhaust brake); Phanh động cơ (Engine brake / Jake brake); Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD – Electronic Brakeforce Distribution); Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp (BA – Brake

TT	E-HSMT đã đăng tải		E-HSMT sửa đổi
	Chỉ tiêu chấm điểm	Yêu cầu	
		Distribution); Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp (BA – Brake Assist); Hệ thống kiểm soát lực kéo và ổn định (TCS/ESC); Hệ thống chống trượt dốc / hỗ trợ xuống dốc Hill Start Assist; Cảm biến tải trọng (Load-sensing valve); Phanh đỗ khẩn cấp (Emergency Parking Brake).	Assist); Hệ thống kiểm soát lực kéo và ổn định (TCS/ESC); Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc Hill Start Assist; Cảm biến tải trọng (Load-sensing valve); Phanh đỗ khẩn cấp (Emergency Parking Brake).